

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 390/2023/HC-PT

Ngày 28/11/2023.

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán:

ông Vũ Thanh Liêm

ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 778/2023/TLPT-HC ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 89/2023/HC-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 262/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Đức H

Địa chỉ: số B đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Lệ H1

Địa chỉ: tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Đức H2.

- Ông Nguyễn Đức H3.

- Bà Nguyễn Thị Thu H4.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố D, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà H1, ông H2, ông H3, bà H4 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Tạ Quang T
- Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B.

Trụ sở: số A đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Lê Đại T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân T (theo văn bản ủy quyền số 166/GUQ-UBND ngày 14/12/2022). Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Võ Quang H5
- Phó Giám đốc Trung tâm P. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm Phát triển quỹ đất Tp ., tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: số C đường H, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp: ông Võ Quang H5 - Phó Giám đốc Trung tâm P. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Trường Chính trị tỉnh Đ; địa chỉ: số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Công C, bà Phùng Thị Khánh

Cùng địa chỉ: tổ dân phố D, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông C, bà K ủy quyền cho ông Nguyễn Đức H (theo văn bản ủy quyền ngày 28/02/2023).

Trú tại: số B đường N, phường E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Ông H có mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Thu H4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Người khởi kiện ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3 và bà Nguyễn Thị Thu H4 trình bày:*

Năm 1977, cha mẹ các ông bà là Nguyễn Công C, bà Phùng Thị K1 là viên chức thuộc Trường H (cũ) khai hoang thửa đất trồng tại Trường Hành chính cũ để sản xuất nông nghiệp, nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ 56, diện tích 1.426,8m², có vị trí: phía Bắc giáp đất ông L + T2; phía Nam giáp khu đất ở của gia đình các ông bà; phía Đông giáp đất ông T3; phía Tây giáp khu đất tập thể Trường H (cũ). Gia đình các ông bà quản lý, sử dụng phần diện tích đất nói trên từ năm 1977, đến năm 1983 chuyển sang trồng cây cà phê và sử dụng đất ổn định cho đến nay không có tranh chấp.

Năm 2000, cha mẹ các ông bà làm giấy ủy quyền, phân chia thửa đất trên thành 05 phần cho 05 anh em quản lý, sử dụng. Cụ thể: Nguyễn Đức H: 313,3m², Nguyễn Đức H3: 289,6m²; Nguyễn Đức H2: 293,1m², Nguyễn Thị Lệ H1: 292,7m² và Nguyễn Thị Thu H4: 293m². Sau đó, các ông bà lần lượt xây dựng nhà và sinh sống ổn định trên diện tích đất này.

Ngày 31/8/2018, U ban hành các Quyết định số 5618, 5619, 5620, 5621, 5622/QĐ-UBND v/v thu hồi đất để thực hiện Dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp .. Ngày 31/8/2018, U ban hành Quyết định số 5623/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp . (viết tắt Quyết định 5623). Theo Quyết định này, U xác định toàn bộ phần diện tích đất thu hồi của các ông bà đều thuộc diện không đủ điều kiện bồi thường. Ngày 17/11/2018, các ông bà có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 5623. Ngày 24/9/2021, U ban hành Kết luận số 03/KL - UBND về việc Kết luận thanh tra nguồn gốc đất một số hộ dân tại khu đất Trường H (cũ) phường E, Tp . (viết tắt Kết luận thanh tra số 03). Ngày 09/03/2022, U ban hành Quyết định số 1476/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp . (viết tắt Quyết định số 1476). Theo Quyết định số 1476, U vẫn xác định toàn bộ phần diện tích đất của các ông bà bị thu hồi không đủ điều kiện để được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ 80% giá trị đất. Không đồng ý với Quyết định 1476, các ông bà đã có đơn khiếu nại. Ngày 27/5/2022, UBND tỉnh Đ ban hành Công văn số 4365/UBND-NNMT chuyển khiếu nại của các ông bà đến Sở T6 để giải quyết, nhưng ngay sau đó U đã tiến hành cưỡng chế.

Các ông bà nhận thấy rằng, khi các ông bà khiếu nại Quyết định số 5623, U đã tiến hành thanh tra, xác minh lại nguồn gốc đất (Kết luận thanh tra số 03), sau đó ban hành Quyết định số 1476, nhưng lại xác định toàn bộ phần diện tích đất thu hồi của các ông bà vẫn không đủ điều kiện bồi thường mà chỉ hỗ trợ 80% giá trị là không thỏa đáng, không đúng quy định của pháp luật và gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của các ông bà vì toàn bộ diện tích đất các ông bà đang quản lý, sử dụng là do cha mẹ khai hoang từ năm 1977 để sản xuất nông nghiệp, đến năm 1983 thì chuyển sang trồng cây cà phê. Năm 1997, cha mẹ các ông bà đã được UBND phường E xác nhận “Đã kiểm tra, đo đạc diện tích đất cà phê trồng năm 1983 như sơ đồ trên là đúng. Không có tranh chấp”. Quá trình khiếu nại vụ việc, các ông bà mới biết rằng năm 1999, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 228/QĐ-UB về việc thu hồi 48.720m² đất của Trường Hành chính tỉnh Đ và giao 30.680m² đất cho U quản lý để thu thuế nông nghiệp của các hộ đang canh tác (viết tắt Quyết định 228), bao gồm toàn bộ phần diện tích đất gia đình các ông bà đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, từ trước cho đến khi khiếu nại, các ông bà không biết là đã có Quyết định số 228 và gia đình các ông bà cũng không nhận được Quyết định này. Mặt khác, nội dung của Quyết định 228 thể hiện: giao 30.680m² đất cho

U quản lý để thu thuế nông nghiệp của các hộ dân hiện đang canh tác trong khu đất. Điều này chứng tỏ, UBND tỉnh Đ đã xác định 30.680m² đất này thuộc quyền sử dụng của các hộ dân đang canh tác, U chỉ thực hiện quản lý về mặt Nhà nước của chính quyền địa phương trong quản lý đất đai theo sự phân cấp, phân quyền chứ không phải được giao quyền sử dụng. Gia đình các ông bà không ký Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với T4 Hành chính cũ, hằng năm cũng không đóng sản lượng cho T4 Hành chính cũ. Hơn nữa, một số hộ dân đang sử dụng đất trong khu vực này có nguồn gốc như gia đình các ông bà (hộ bà Trần Thị A, ông Lê Đình H6) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho những người khác và tất cả họ đều được bồi thường khi bị thu hồi đất.

Gia đình các ông bà cũng đã khiếu nại về vấn đề cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì U xác định: việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đúng quy định pháp luật, còn các hộ dân khác là do không hoàn thiện được hồ sơ nên không được cấp (Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 09/7/2018). Điều này chứng tỏ gia đình các ông bà chỉ thiếu thủ tục hành chính để được cấp Giấy chứng nhận, chứ đây không phải là căn cứ để xác định đất của các ông bà không đủ điều kiện bồi thường.

Vì vậy, các ông bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: huỷ một phần Quyết định số 5623 và huỷ một phần Quyết định số 1476; buộc U phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp ., theo hướng xác định toàn bộ phần diện tích đất gia đình các ông bà đang sử dụng đều đủ điều kiện được bồi thường về đất khi bị thu hồi và được bồi thường 100% giá trị theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định. Diện tích đất bị thu hồi là nơi cư ngụ duy nhất của các hộ gia đình hơn 20 năm qua nên đề nghị xem xét bố trí tái định cư.

Đối với nội dung đề nghị xem xét lại việc kiểm đếm tài sản trên đất. Quá trình thu hồi đất Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B đã kiểm đếm thiếu những tài sản trên các thửa đất của các ông bà như sau (theo Biên bản làm việc của Ban thực hiện cưỡng chế số 2979 - U ngày 09/6/2022), cụ thể:

- Hộ ông Nguyễn Đức H:

+ Mái che lợp tôn sóng vuông, khung sắt gắn tường nhà, nền gạch ceramic (400 x 400) diện tích (4,1 x 5,4)m².

+ Tường: móng xây đá, tường xây gạch có tô, không sơn dài 5,8m, cao 3m.

+ Cửa sắt diện tích (0,9 x 1,9)m² + (2 x 0,8)m².

+ Nền gạch ceramic (400 x 400) diện tích (2,4 x 5,4)m².

+ Tường rào: móng xây đá, tường xây gạch có tô dài 5,5m, cao 2,8m, trên gắn khung sắt cao 1,2m.

- + Chân sắt bồn nước V5, kích thước $(2 \times 2 \times 6)m^3$.
- + Tường rào: móng xây đá, tường xây gạch 10cm có tô cao 0,7m, trên gắn song sắt cao 1,5m, dài 1,8m.
- + Mái che lợp tôn sóng vuông, khung sắt hộp $(30 \times 50)mm$, trụ sắt hộp $(50 \times 100)mm$. Diện tích $(10,3 \times 6,3)m$.
- + Tường rào: móng xây đá, tường xây gạch 10cm không tô, trên gắn lưới B40 cao 1m, tường cao 1,9m, dài 5,3m.
- + Hàm rút 02 cái.
- Hộ bà Nguyễn Thị Thu H4:
 - + 01 bồn nước inox 1000lít.
 - + 02 hàm rút.
 - + 01 giếng khoan sâu 59,7m.
- Hộ ông Nguyễn Đức H3:
 - + 02 hàm rút.
- + Nhà vệ sinh diện tích $(2,2 \times 2,2)m^2$ mái lợp tôn kẽm tường xây gạch 10cm có tô.
- + Bể nước xây gạch 10cm có tô dài 10,6m, rộng 1,2m, sâu 0,35m.
- + Mái che sân gạch bát trắng, khung sắt hộp $(30 \times 50)mm$, trụ sắt hộp $(50 \times 100)mm$, diện tích $(10,6 \times 8,4)m$.
- Hộ bà Nguyễn Thị Lệ H1: 02 hàm rút.

Yêu cầu UBND ban hành phương án bổ sung hỗ trợ về vật kiến trúc cho các ông bà theo đúng biên bản kiểm đếm như trên.

** Tại bản tự khai người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Lê Đại T1 trình bày:*

Căn cứ Quyết định số 6462/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Chủ tịch U về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất T Hành chính cũ, phường E, Tp .; Quyết định số 3651/QĐ-UBND của U ngày 20/7/2015 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất T Hành chính cũ, phường E, Tp .; Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của U về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đất Trường Hành chính cũ, phường E, Tp ..

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất T Hành chính cũ, phường E, Tp .; Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Đ về việc điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: xây dựng

cơ sở hạ tầng khu đất T Hành chính cũ, phường E, Tp . được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/1/2017; Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 12/1/2018 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hệ số điều chỉnh giá để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất T Hành chính cũ, phường E, Tp ..

Về nguồn gốc đất: năm 1984, Trường Hành chính tỉnh Đ (cũ) lập hợp đồng kinh tế về việc liên kết trồng cây cà phê với ông Nguyễn Công C. Năm 1999, UBND tỉnh Đ thu hồi 48.720m² đất của Trường Chính trị tỉnh Đ (đất của Trường H cũ) và giao 30.680m² cho U quản lý, để thu thuế nông nghiệp của các hộ hiện đang canh tác trong khu đất theo quy định hiện hành của Nhà nước tại Quyết định số 228. Ngày 10/02/2000, ông Nguyễn Công C và bà Phùng Thị K1 làm giấy ủy quyền sử dụng đất cho các con để khi lập gia đình có đất làm nhà. Hiện nay, trên thửa đất ông C đã tách thành 05 thửa như sau: ông Nguyễn Đức H quản lý thửa đất số 10-1, tờ bản đồ số 56 với diện tích 313.3m², trên thửa đất này có nhà; ông Nguyễn Đức H2 quản lý thửa đất số 10-2, tờ bản đồ số 56 với diện tích 292,1m², trên thửa đất có nhà; bà Nguyễn Thị Thu H4 quản lý thửa đất số 10-3, tờ bản đồ số 56 với diện tích 293m², trên thửa đất có nhà; ông Nguyễn Đức H3 quản lý thửa đất số 10-4, tờ bản đồ số 56 với diện tích 285,7m², trên thửa đất không có nhà; bà Nguyễn Thị Lệ H1 quản lý thửa đất số 10-5, tờ bản đồ số 56 với diện tích 289.5m², trên thửa đất có nhà. Toàn bộ phần diện tích đất thu hồi nằm trong phần diện tích 30.680m² đất tại Quyết định số 228. Căn cứ Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 thì phần diện tích đất thu hồi trên không đủ điều kiện bồi thường. Ngày 31/8/2018, U ban hành Quyết định số 5623 là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 03, Công văn số 13003/UBND-NNMT ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Đ về việc xử lý nội dung báo cáo số 520/BC/STNMT ngày 22/12/2021 của Sở T6. Ngày 09/03/2022, U ban hành Quyết định số 1476. Việc UBND thành phố ban hành Quyết định số 5623 và Quyết định số 1476 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc tái định cư: trên cơ sở đơn đăng ký nhu cầu tái định cư của 04 hộ gồm: hộ bà Nguyễn Thị Thu H4, hộ ông Nguyễn Đức H2, hộ ông Nguyễn Đức H3, hộ bà Nguyễn Thị Lệ H1; Trung tâm Phát triển quỹ đất Tp . đã phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc xác minh điều kiện nhà ở, đất ở của 04 hộ dân có đơn nêu trên. Theo đó, đối với hộ bà Nguyễn Thị Thu H4 căn cứ biên bản làm việc ngày 04/11/2022 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng UBND thành phố về việc thẩm tra điều kiện giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá xác định:

- Hộ bà Nguyễn Thị Thu H4 không phải đối tượng nhận hợp đồng kinh tế liên kết trồng cà phê với T4 Hành chính cũ, bà Nguyễn Thị Thu H4 nhận ủy quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Công C sau Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Đ nên hộ bà H4 không đủ điều kiện để được xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất

không thông qua đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

- Đối với hộ ông Nguyễn Đức H2: theo biên bản xác minh ngày 05/8/2022 thì hộ ông Nguyễn Đức H2 có dãy nhà trọ cho sinh viên thuê tại vị trí đất thu hồi nhưng không ở tại vị trí đất thu hồi do đó không đủ điều kiện xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

- Hộ ông Nguyễn Đức H3: theo biên bản kiểm kê lập ngày 04/01/2017 thì hộ ông Nguyễn Đức H3 không có nhà trên vị trí đất thu hồi do đó không đủ điều kiện xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

- Hộ bà Nguyễn Thị Lệ H1: căn cứ Công văn số 2489/CNBM-TTTLT ngày 03/08/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ thì hộ bà Nguyễn Thị Lệ H1 (chồng là Nguyễn Thanh T5) đã được U cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 06990 ngày 07/11/2007 tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 29, phường T, Tp ..

Việc xem xét giao đất tái định cư cho 04 hộ có đơn nêu trên đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204 và Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 79, khoản 2 Điều 82 của Luật Đất đai 2013; khoản 4 Điều 6, Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H2.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4.

- Hủy một phần Quyết định số 5623/QĐ - UBND ngày 31/8/2018 của U về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp .;

- Hủy một phần Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của U về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp ..

- Buộc U phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung phần bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc cho ông H, bà H1, bà H4 theo biên

bản làm việc của Ban thực hiện cưỡng chế số 2979 - U ngày 09/6/2022; bổ sung phần bồi thường, hỗ trợ về cây cối hoa màu cho ông Nguyễn Đức H3 theo biên bản kiểm kê thiệt hại về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu ngày 04/01/2017 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Tp . theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể bồi thường thêm các tài sản vật kiến trúc, cây cối hoa màu sau:

- * Hộ ông Nguyễn Đức H: 02 hầm rút.

- * Hộ bà Nguyễn Thị Thu H4: 01 bồn nước inox 1000 lít, 02 hầm rút, 01 giếng khoan sâu 59,7m, 01 Hộp đồng điện.

- * Hộ bà Nguyễn Thị Lệ H1: 02 hầm rút, 01 giếng khoan.

- * Đối với hộ ông Nguyễn Đức H3: mì (sắn) cao sản đang thu hoạch là 20m²; 01 cây sanh, 9 cây tre xanh ươm hạt đang thu hoạch trồng năm 2000, 02 cây chanh trồng năm 2008, 22 cây chuối, 04 cây bơ, 01 cây mít, 05 cây đu đủ, 03 cây cau cảnh, 01 cây na, 04m² rau thơm, 03 cây ổi; 08m² môn đang thu hoạch, 02 cây si đường kính 15cm, 01 cây mai vàng, 02 cây xoài.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H về yêu cầu bổ sung phần bồi thường về vật kiến trúc gồm:

- + Mái che lợp tôn sóng vuông, khung sắt gắn tường nhà, nền gạch ceramic (400 x 400) diện tích (4,1 x 5,4)m².

- + Tường: móng xây đá, tường xây gạch có tô, không sơn dài 5,8m, cao 3m.

- + Cửa sắt diện tích (0,9 x 1,9)m² + (2 x 0,8)m².

- + Nền gạch ceramic (400 x 400) diện tích (2,4 x 5,4)m².

- + Tường rào: móng xây đá, tường xây gạch có tô dài 5,5m, cao 2,8m, trên gắn khung sắt cao 1,2m.

- + Chân sắt bồn nước V5 kích thước (2 x 2 x 6)m³.

- + Tường rào: móng xây đá, tường xây gạch 10cm có tô cao 0,7m, trên gắn song sắt cao 1,5m, dài 1,8m.

- + Mái che lợp tôn sóng vuông, khung sắt hộp (30 x 50)mm, trụ sắt hộp (50 x 100)mm. Diện tích (10,3 x 6,3)m.

- + Tường rào: móng xây đá, tường xây gạch 10cm không tô, trên gắn lưới B40 cao 1m, tường cao 1,9m, dài 5,3m.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H3 về yêu cầu bổ sung phần bồi thường về vật kiến trúc gồm:

- + 02 hầm rút.

- + Nhà vệ sinh diện tích (2,2 x 2,2)m² mái lợp tôn kẽm tường xây gạch 10cm có tô.

- + Bể nước xây gạch 10cm có tô dài 10,6m, rộng 1,2m, sâu 0,35m.

- + Mái che sân gạch bát tràng, khung sắt hộp (30 x 50)mm, trụ sắt hộp (50 x 100)mm diện tích (10,6 x 8,4)m.

5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3 về việc buộc U ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo hướng xác định toàn bộ diện tích đất của ông H, bà H1, bà H4, ông H2, ông H3 đủ

điều kiện được bồi thường về đất khi bị thu hồi và được bồi thường 100% giá trị theo bảng giá đất do UBND tỉnh Đ quy định.

6. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3 về yêu cầu giao đất tái định cư.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2023, người khởi kiện ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Thu H4 kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Hủy một phần Quyết định số 5623/QĐ - UBND ngày 31/8/2018 và hủy một phần Quyết định số 1476/QĐ - UBND ngày 09/3/2022 của U; buộc U phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện dự án theo hướng: xác định toàn bộ diện tích đất của 05 hộ đang sử dụng đủ điều kiện được bồi thường 100% giá trị theo Bảng giá đất do UBND tỉnh quy định và bố trí tái định cư.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Luật sư Tạ Quang T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bồi thường 100% giá trị đất và bố trí tái định cư cho người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện gồm bà Nguyễn Thị Lệ H1, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Thu H4, người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Lê Đại T1 - Phó Chủ tịch U, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Võ Quang H5, Trung tâm Phát triển quỹ đất Tp . có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Thu H4 với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại Quyết định số 228/QĐ - UB ngày 01/02/1999 của UBND tỉnh Đ đã quyết định thu hồi 48.720m² đất của Trường Chính trị tỉnh Đ, giao 30.680m² đất

trong tổng số diện tích khu đất nói trên cho U quản lý, để thu thuế nông nghiệp của các hộ hiện đang canh tác trong khu đất theo quy định hiện hành của Nhà nước. Ngày 05/3/1999, Sở Địa chính tỉnh Đ cùng với chính quyền địa phương đã tiến hành làm thủ tục thu hồi và giao đất ngoài thực địa. Căn cứ sơ đồ kèm theo Quyết định số 228 thì toàn bộ diện tích đất thu hồi của các hộ ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Thu H4 đều nằm trong phần diện tích đất 48.720m² đã được UBND tỉnh Đ thu hồi của T4 Chính trị và giao cho U quản lý. Ông H, bà H1, ông H2, ông H3, bà H4 cho rằng diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc do cha mẹ là ông Nguyễn Công C và bà Phùng Thị K1 khai hoang từ năm 1977, đến năm 1983 chuyển sang trồng cây cà phê nhưng các ông bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh diện tích đất bị thu hồi này có nguồn gốc khai hoang và cũng không cung cấp được văn bản xác nhận là hộ gia đình sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, tại Công văn số 12/CV - TCT ngày 18/3/2008 của T4 Chính trị xác định: mặc dù U được giao quản lý 30.680m² theo Quyết định số 228 nhưng chưa có văn bản nào về giao đất để thu thuế nông nghiệp của cán bộ công chức nhà trường đang canh tác tại thời điểm thu hồi đất và bàn giao đất, trong đó có hộ ông Nguyễn Công C. Như vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thu hồi đất của T4 Chính trị, giao cho U quản lý và việc xác định các hộ ông H2, ông H, ông H3, bà H1, bà H4 không đủ điều kiện được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ 80% về đất là thỏa đáng, đúng quy định tại Điều 82 của Luật Đất đai.

[2.2] Theo Công văn số 2489/CNBMT - TTLT ngày 03/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ1, biên bản làm việc ngày 05/8/2022, biên bản làm việc ngày 16/6/2023 của Trung tâm P mặc dù có xác minh về điều kiện nhà ở, đất ở của hộ ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3, Nguyễn Thị Thu H4 nhưng điều quan trọng là các ông bà không phải là đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất mà chỉ nhận uỷ quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Công C sau khi có Quyết định thu hồi đất số 228. Vì vậy, ông H, bà H1, ông H2, ông H3 và bà H4 không đủ điều kiện để được bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai.

[2.3] Đối với yêu cầu bồi thường bổ sung vật kiến trúc cho ông H, bà H1, bà H4, ông H2, ông H3, Hội đồng xét xử thấy: căn cứ Công văn số 77/CV - TTPTQĐ ngày 15/3/2023 và Công văn số 109/CV - TTPTQĐ ngày 18/4/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Tp . về việc thẩm định, phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về vật kiến trúc (kèm theo bảng tính chi tiết bổ sung kinh phí hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất) đối với 05 hộ, U xác định chỉ hỗ trợ vật kiến trúc xây dựng năm 2010, đối với vật kiến trúc xây dựng sau khi U ban hành Quyết định số 5623 thì không đủ điều kiện bồi thường. Theo đó, tài sản xây năm 2010 của hộ ông H gồm có 02 hầm rút; hộ bà H4 có 01 bồn nước inox 1.000lít, 02 hầm rút, 01 giếng khoan sâu 59,7m, 01 hợp đồng điện; hộ bà H1 có 02 hầm rút, 01 giếng khoan. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, U chưa ban hành quyết định phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ vật kiến trúc cho các hộ nói trên. Vì vậy, cần phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung phần hỗ trợ về vật kiến trúc cho ông H, bà

H1, bà H4 theo biên bản làm việc của Ban thực hiện cưỡng chế số 2979 - U ngày 09/6/2022. Đối với vật kiến trúc trên đất hộ ông H và ông H3 xây sau khi Quyết định số 5623 được ban hành nên không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật Đất đai. Do đó, cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông H3 và ông H về phần này là có căn cứ.

[2.4] Đối với cây cối, hoa màu của ông Nguyễn Đức H3: theo Biên bản kiểm kê thiệt hại về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu ngày 04/01/2017 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Tp . thì thời điểm kiểm đếm, trên đất ông H3 có: mì cao sản đang thu hoạch là 20m², 01 cây sanh, 22 cây chuối... nhưng ông H3 không được bồi thường, hỗ trợ những tài sản trên theo Quyết định số 5623 và Quyết định số 1476. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H3 về phần này là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy quyết định của Bản án sơ thẩm là hoàn toàn đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H2, ông H3, bà H1, bà H4, ông H; chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4, ông Nguyễn Đức H phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người người khởi kiện ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4 và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 2 Điều 79, khoản 2 Điều 82 của Luật Đất đai 2013; khoản 4 Điều 6, Điều 25 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H2.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4.

- Hủy một phần Quyết định số 5623/QĐ - UBND ngày 31/8/2018 của U về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp .;

- Hủy một phần Quyết định số 1476/QĐ - UBND ngày 09/3/2022 của U về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp ..

- Buộc U phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung phần bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc cho ông H, bà H1, bà H4 theo biên bản làm việc của Ban thực hiện cưỡng chế số 2979 - U ngày 09/6/2022; bổ sung phần bồi thường, hỗ trợ về cây cối hoa màu cho ông Nguyễn Đức H3 theo biên bản kiểm kê thiệt hại về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu ngày 04/01/2017 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Tp . theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể bồi thường thêm các tài sản vật kiến trúc, cây cối hoa màu sau:

* Hộ ông Nguyễn Đức H: 02 hầm rút.

* Hộ bà Nguyễn Thị Thu H4: 01 bồn nước inox 1000 lít, 02 hầm rút, 01 giếng khoan sâu 59,7m, 01 Hộp đồng điện.

* Hộ bà Nguyễn Thị Lệ H1: 02 hầm rút, 01 giếng khoan.

* Đối với hộ ông Nguyễn Đức H3: mì (sắn) cao sản đang thu hoạch là 20m², 01 cây sanh, 09 cây tre xanh ươm hạt đang thu hoạch trồng năm 2000, 02 cây chanh trồng năm 2008, 22 cây chuối, 04 cây bơ, 01 cây mít, 05 cây đu đủ, 03 cây cau cảnh, 01 cây na, 04m² rau thơm, 03 cây ổi; 08m² môn đang thu hoạch, 02 cây si đường kính 15cm, 01 cây mai vàng, 02 cây xoài.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H về yêu cầu bổ sung phần bồi thường về vật kiến trúc gồm: mái che lợp tôn sóng vuông, khung sắt gắn tường nhà, nền gạch ceramic (400 x 400) diện tích (4,1 x 5,4)m²; tường: móng xây đá, tường xây gạch có tô, không sơn dài 5,8m, cao 3m; cửa sắt diện tích (0,9 x 1,9)m² + (2 x 0,8)m²; nền gạch ceramic (400 x 400) diện tích (2,4 x 5,4)m²; tường rào: móng xây đá, tường xây gạch có tô dài 5,5m, cao 2,8m, trên gắn khung sắt cao 1,2m; chân sắt bồn nước V5 kích thước (2 x 2 x 6)m³; tường rào: móng xây đá, tường xây gạch 10cm có tô cao 0,7m, trên gắn song sắt cao 1,5m, dài 1,8m; mái che lợp tôn sóng vuông, khung sắt hộp (30 x 50)mm, trụ sắt hộp (50 x 100)mm, diện tích (10,3 x 6,3)m; tường rào: móng xây đá, tường xây gạch 10cm không tô, trên gắn lưới B40 cao 1m, tường cao 1,9m, dài 5,3m.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H3 về yêu cầu bổ sung phần bồi thường về vật kiến trúc gồm: 02 hầm rút, nhà vệ sinh diện tích (2,2 x 2,2)m² mái lợp tôn kẽm tường xây gạch 10cm có tô, bể nước xây gạch 10cm có tô dài 10,6m, rộng 1,2m, sâu 0,35m, mái che sân gạch bát trắng, khung sắt hộp (30 x 50)mm, trụ sắt hộp (50 x 100)mm diện tích (10,6 x 8,4)m.

5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3 về việc buộc U ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo

hướng xác định toàn bộ diện tích đất của ông H, bà H1, bà H4, ông H2, ông H3 đủ điều kiện được bồi thường về đất khi bị thu hồi và được bồi thường 100% giá trị theo bảng giá đất do UBND tỉnh Đ quy định.

6. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3 về yêu cầu giao đất tái định cư.

7. Về án phí: Ông H2, bà H4, ông H3, ông H và bà H1 mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003775, 0003773, 0003774, 0003772, 0003771 ngày 03/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

8. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên